

Tập 66

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang chín mươi:

(Huyền Nghĩa) Cửu, xảo thị nhân u vãng sanh thật ngộ Vô Sanh giả.

(玄義) 九、巧示因於往生實悟無生者。

(Huyền Nghĩa: Chín là khéo léo chỉ dạy: Do vãng sanh mà thật sự ngộ Vô Sanh).

Đây là nhân duyên thứ chín trong các nhân duyên. “Xảo” (巧) là vô cùng hay khéo, cũng có nghĩa là chỉ dạy rất hay khéo: Chính vì vãng sanh thì mới có thể thật sự ngộ nhập Vô Sanh. Có thể nói là nhân duyên này khiến cho người ta cảm thấy rất hào hứng. Mọi người học Phật đều đặt mục tiêu là cầu đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn. Trong bài Kệ Hồi Hương chúng ta niệm hằng ngày, có câu: “*Hoa khai kiến Phật ngộ Vô Sanh*”. “*Ngộ Vô Sanh*” là một thành tựu thật sự trong quá trình tu học của Bồ Tát. Vô Sanh cũng là “sống đời đời” (vĩnh sanh) như các tôn giáo khác thường mong tưởng. Nói thật ra, các tôn giáo khác nói đến sự sống đời đời đều chẳng phải là thật, Thiên Đường trọn chẳng phải là sống đời đời, hiểu lầm rồi! Thật sự sống đời đời là trong Đại Thừa Phật pháp. A La Hán và Bích Chi Phật của Tiểu Thừa đều chưa đạt đến địa vị này. Do vậy, “ngộ Vô Sanh” là chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn, là một thứ thành tựu mang tánh chất quyết định, là sự thành tựu chân thật.

(Huyền Nghĩa) Thất Địa căn danh hiện tướng, Bát Địa nãi đắc Vô Sanh.

(玄義) 七地僅名現相，八地乃得無生。

(Huyền Nghĩa: Thất Địa chỉ gọi là “hiện tướng”. Bát Địa mới đắc Vô Sanh).

Quý vị nghĩ xem: Vô Sanh Pháp Nhẫn là địa vị như thế nào? Địa vị Thất Địa Bồ Tát khá cao, được coi là đã chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn. Vô Sanh Pháp Nhẫn có ba phẩm: Thượng phẩm, trung phẩm và hạ phẩm. Thất Địa Bồ Tát chứng đắc hạ phẩm Vô Sanh Pháp Nhẫn, Bát Địa là trung phẩm, Cửu Địa là thượng phẩm. Đến Đệ Thập Địa là Pháp Vân Địa, chẳng gọi là Vô Sanh Nhẫn mà gọi là Tịch Diệt Nhẫn, nhập cảnh giới của Phật,

thanh tịnh tịch diệt. Thập Địa Bồ Tát là hạ phẩm Tịch Diệt Nhân, Đẳng Giác Bồ Tát là trung phẩm Tịch Diệt Nhân, Như Lai quả địa là thượng phẩm Tịch Diệt Nhân. Đạt đến Pháp Vân Địa thì có thể nói cảnh giới chẳng khác gì Phật.

“*Thất Địa cần danh hiện tướng*” (Thất Địa chỉ gọi là hiện tướng): Đây là tỷ dụ, trước hết, thấy phương Đông có sắc trắng, đây là mặt trời sắp mọc, nhưng vẫn chưa mọc. Thất Địa Bồ Tát chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhân có tình trạng giống như vậy, chưa thật sự đạt được, nhưng hết sức gần gũi. Đã thấy phương Đông tỏa sắc trắng, nhưng mặt trời chưa mọc, trong chốc lát sẽ mọc, dùng chuyện này để sánh ví cảnh giới của Thất Địa. Tuy Thất Địa Bồ Tát tu Vô Tướng Quán đã thành tựu, đã lìa khỏi phân biệt, chấp trước, nhưng những gì do thức hiện vẫn chưa trừ hết, chưa thể đại tự tại, chỉ gọi là “*hiện tướng*” mà thôi!

“*Bát Địa nãi đắc Vô Sanh*” (Bát Địa mới đắc Vô Sanh), Bát Địa Bồ Tát còn gọi là Bất Động Địa. Bất luận trong cảnh giới nào, tâm địa vẫn thanh tịnh, quyết chẳng bị cảnh giới bên ngoài lay động, tự mình thật sự làm chủ tể trong hết thảy cảnh giới nên gọi là Bất Động Địa. Khi ấy, Ngài đã chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhân, giống như sớm mai mặt trời đã mọc. Tánh bình đẳng hiện tiền, nếu chúng ta dùng lý luận của Duy Thức để nói cho dễ hiểu hơn thì: Chuyển thức thứ bảy thành Bình Đẳng Tánh Trí, thật sự chuyển được. Vì thế, thật sự đắc Vô Sanh Pháp Nhân. Do chỗ này, chúng ta cũng có được một khái niệm rất rõ ràng, Thất Địa Bồ Tát chuyển thức thứ sáu, tức Ý Thức, thành Diệu Quán Sát Trí, thức thứ bảy, tức Mạt Na Thức, cũng chuyển thành Bình Đẳng Tánh Trí, nhưng chưa thể chuyển hoàn toàn, đến Bát Địa mới là chuyển hoàn toàn. Quý vị phải hiểu: Hai thứ Trí này đã chuyển được thì thức thứ tám chuyển thành Đại Viên Kính Trí, năm thức trước (Nhân Thức, Nhĩ Thức v.v...) chuyển thành Thành Sở Tác Trí, đồng thời chuyển! Chuyển Thức thành Trí là “*lục, thất nhân địa chuyển, ngũ bát quả thượng chuyển*” (thức thứ sáu và thức thứ bảy chuyển trong khi tu nhân, năm thức trước và thức thứ tám sẽ chuyển khi chứng quả). Hễ thức thứ sáu và thức bảy đã chuyển thì năm thức trước và thức thứ tám cũng đồng thời chuyển theo. Nói cách khác, đạt đến Bát Địa Bồ Tát mới thật sự chuyển tám thức thành bốn trí, đây mới thật sự là chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhân.

Trong bài kệ Hồi Hướng có câu: “*Hoa khai kiến Phật ngộ Vô Sanh*”, tức là chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhân, đến khi ấy mới triệt để liễu giải hết thảy các pháp bất sanh bất diệt, quý vị bèn thấy đó chính là tướng chân thật của hết thảy các pháp, hết thảy các pháp không có sanh diệt. Nay

chúng ta thấy hết thấy các pháp có sanh, có diệt, thấy động vật có sanh, già, bệnh, chết, thấy thực vật có sanh, trụ, dị, diệt (mọc lên, tăng trưởng, biến đổi, diệt mất), khoáng vật và quả địa cầu này có thành, trụ, hoại, không. Đây đều là tướng sanh diệt! Đức Phật dạy chúng ta: Tướng sanh diệt ấy là huyễn tướng, chẳng phải là chân tướng. Chúng ta thấy huyễn tướng, chẳng thấy tướng chân thật của vạn pháp trong vũ trụ. Tướng chân thật của vạn pháp trong vũ trụ là bất sanh bất diệt. Lời nói này quá huyền diệu, nói thật ra, đây chẳng phải là cảnh giới của chúng ta, cũng chẳng phải là điều chúng ta có thể lãnh hội bằng kiến thức thông thường! Đây là cảnh giới Hiện Lượng của Phật và các vị đại Bồ Tát, phải là từ Bát Địa Bồ Tát trở lên, những vị ấy đích thân thấy hết thấy các pháp bất sanh, bất diệt.

Phải như thế nào thì mới có thể chứng đắc? Có nhiều pháp môn, tông phái đều có rất nhiều lý luận và phương pháp tu hành. Người niệm Phật chúng ta có thể chứng đắc hay không, đó là chuyện chúng ta rất quan tâm. Nếu niệm Phật chẳng thể chứng đắc thì còn phải tu pháp môn khác. Ở đây, đại sư bảo chúng ta: Người niệm Phật có thể chứng đắc. Không chỉ có thể chứng đắc, mà còn chứng đắc dễ dàng hơn các pháp môn khác, vì sao? Hễ quý vị vãng sanh liền chứng đắc. “*Nhân ư vãng sanh thật ngộ Vô Sanh*” (Do vãng sanh bèn thật sự ngộ Vô Sanh), ngộ Vô Sanh chính là chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn.

(Huyền Nghĩa) Nhi cực lực diệt sanh dĩ cầu Vô Sanh, di cầu di viễn.

(玄義) 而亟欲滅生以求無生，彌求彌遠。

(Huyền Nghĩa: Nhưng muốn cực lực diệt sanh để cầu Vô Sanh thì càng cầu càng xa).

Có những người nôn nóng muốn chứng Vô Sanh Pháp Nhẫn, họ chứng bằng cách nào? Đoạn trừ sanh, sanh đoạn trừ thì dường như là Vô Sanh; thật ra đã phạm sai lầm! Nhưng cách suy nghĩ, quan niệm ấy, nói thật ra, kể từ khi Phật pháp chưa truyền đến Trung Quốc, người Trung Quốc đã có kẻ nghĩ theo cách ấy rồi, giống như Lão Tử đã nói: “*Ngô hữu đại hoạn, vị ngô hữu thân*”, [nghĩa là] ta có mối lo âu lớn là vì ta có thân. Nếu không có thân sẽ tốt hơn nhiều lắm, không có thân sẽ tự tại lắm! Không có thân thì tối thiểu là quý vị chẳng cần phải bận chải vì com áo. Thân cần phải ăn com, thân cần phải mặc áo, thân cần phải sống trong nhà. Quý vị không có thân thì những phiền não, ưu lự đều chẳng có; làm

thể nào để bỏ được cái thân này? Trước kia, đã có chẳng ít người có cách suy nghĩ giống như vậy!

Trong tam giới, Vô Sắc Giới thiên không cần thân, vô sắc mà! Họ suy nghĩ như vậy. Trong Sắc Giới, [chư thiên thuộc] mười tám tầng trời trong Tứ Thiên có thân, nhưng chư thiên trong Tứ Không Thiên không có thân, đây là cảnh giới tối cao của phàm phu. Quý vị phải hiểu: Phàm phu cao cấp chẳng cần thân thể, họ được tự tại! Nhưng đây chẳng phải là biện pháp [giải quyết rốt ráo], tuy chẳng cần thân, thần thức vẫn tồn tại (người Hoa gọi “thần thức” là “linh hồn”). Trong Thiên Định rất sâu như thế, quả thật vọng niệm chẳng sanh, vì họ có công năng định lực. Công năng định lực hoàn toàn không chế phiền não, thời gian duy trì công năng định lực của họ rất dài, tám vạn đại kiếp! Đây cũng là thọ mạng của chư thiên trong Tứ Không Thiên, nhưng khi tám vạn đại kiếp đã hết, họ bị thoái chuyển công lực, sau khi thoái chuyển vẫn phải luân hồi trong lục đạo, đủ thấy đây chẳng phải là rốt ráo! Cách cầu như thế là “*di cầu di viễn*”, [tức là] càng cầu càng xa, chẳng phải là thật, giả trá!

(Huyền Nghĩa) Kim dĩ cầu sanh Tịnh Độ, nãi ngộ Vô Sanh, nhập Hữu đắc Không, tức phàm thành thánh, khả vị thông huyền bí quyết, hoán cốt thân đản.

(玄義)今以求生淨土，乃悟無生，入有得空，即凡成聖，可謂通玄秘訣，換骨神丹。

(Huyền Nghĩa: Nay do cầu sanh Tịnh Độ bèn ngộ Vô Sanh, nhập Hữu mà đắc Không, từ phàm trở thành thánh, có thể nói là bí quyết để thông đạt lẽ u huyền, là thuốc thần để thay xương).

Quý vị tu Tịnh Độ thật sự chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhãn, “*cầu sanh Tịnh Độ*” là từ Hữu môn mà tiến nhập. Kinh dạy rất rõ ràng, “*hữu thể giới danh viết Cực Lạc, hữu Phật hiệu A Di Đà, kim hiện tại thuyết pháp*” (có thể giới tên là Cực Lạc, có Phật hiệu A Di Đà, nay còn đang thuyết pháp). Đây là từ Hữu môn mà tiến nhập. Từ Hữu môn tiến vào chỗ ấy nghe pháp tu hành, chắc chắn có thể ngộ Vô Sanh. Vì thế, nói là “*đắc Không*”. Đắc Không là đắc Vô Sanh Pháp Nhãn. “*Nhập Hữu*” là phàm phu, “*đắc Không*” là chứng thánh quả. Vì thế, “*tức phàm thành thánh*”. Hai câu cuối cùng là lời tán thán; quả thật có thể nói là “*thông huyền bí quyết*”, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, “*huyền*” là Vô Sanh. Chúng ta cũng mong chứng đắc Vô Sanh, thông đạt Vô Sanh. Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, niệm Phật là bí quyết chứng đắc Vô Sanh

Pháp Nhãn. “*Hoán cốt thân đan*”, thoát thai hoán cốt¹, chữ “*thân đan*” tỷ dụ niệm Phật. Niệm Phật sanh về Tịnh Độ; thoát thai hoán cốt là giống như siêu phàm nhập thánh, chúng ta sanh về Tây Phương Cực Lạc thể giới là phàm phu, sau khi sang nơi đó bèn thành thánh nhân. Viên chứng ba thứ Bất Thoái, lẽ nào chẳng thành thánh nhân?

(Sớ) *Cẩn danh hiện tướng giả.*

(疏) 僅名現相者。

(Sớ: Chỉ gọi là “hiện tướng”).

Đây là cảnh giới của bậc Bồ Tát trụ nơi Thất Địa.

(Sớ) *Hoa Nghiêm địa địa giai viết Vô Sanh, nhi chánh đắc nãi quy Bát Địa.*

(疏) 華嚴地地皆曰無生，而正得乃歸八地。

(Sớ: [Các địa vị Bồ Tát trong Thập Địa của] kinh Hoa Nghiêm, địa nào cũng đều gọi là Vô Sanh, nhưng thật sự đắc Vô Sanh phải là Bát Địa).

Mỗi một Địa từ Sơ Địa trở đi đều có thể nói là chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhãn, nhưng thật sự chứng đắc là Đệ Bát Địa. Sơ Địa Bồ Tát giống như phương Đông ửng sắc trắng, mãi cho đến Thất Địa đương nhiên độ sáng ngày càng rõ hơn, nhưng mặt trời chưa mọc, đến Bát Địa mặt trời mới lộ dạng. Đây là tỷ dụ Đẳng Địa Bồ Tát (chứng nhập từ Sơ Địa Bồ Tát

¹ “*Thoát thai hoán cốt*” vốn là một thuật ngữ Đạo Giáo. Họ tin rằng nếu uống kim đan (thân đan) sẽ đổi thai phàm thành thai thánh, đổi xương phàm thành xương tiên, nên mới gọi là “*thoát thai, hoán cốt*”, tức là sẽ trở thành Địa Tiên, trường sanh bất lão, có thể bay lên không, tùy ý tự tại. Kim đan là những loại thuốc nung luyện bằng phương cách bí truyền gồm các kim loại quý (hoặc những chất được tin tưởng là mẹ của các kim loại như chì, thủy ngân) và một số dược vật kỳ quái khác. Kim đan phải chọn ngày giờ, phương vị để nung luyện (tương tự như Giả Kim Thuật của châu Âu). Tư tưởng luyện kim đan bắt nguồn từ Cát Hồng đời Tấn như ông ta đã trình bày trong sách Bảo Phác Tử, và được các đạo sĩ đời sau hăm hở luyện theo. Nhiều vua chúa Trung Hoa đã mê muội muốn trường sanh bất tử, chẳng hạn các vua Hiến Tông, Mục Tông, Vũ Tông, Tuyên Tông nhà Đường, Gia Tĩnh nhà Minh đã chết tươi hay điên cuồng, vật vã mấy ngày rồi chết sau khi uống kim đan vì trong ấy có những chất kịch độc như thủy ngân, chì! Ở đây, Liên Trì đại sư chỉ mượn từ ngữ này để ca ngợi phép Niệm Phật giúp cho phàm phu có thể từ phàm nhập thánh, vượt thoát tam giới nhanh chóng mà thôi!

trở lên) đã thấy phương Đông ửng sắc trắng, trời sắp sáng, Thất Địa và Bát Địa hết sức gần gũi.

(Sớ) Kỳ Thất Địa vân: “Tịnh vô lượng thân khẩu ý, đắc Vô Sanh Pháp Nhãn quang minh”.

(疏) 其七地云：淨無量身口意，得無生法忍光明。

(Sớ: [Kinh Hoa Nghiêm] giảng về Thất Địa như sau: “Thanh tịnh vô lượng thân, miệng, ý, có được ánh sáng của Vô Sanh Pháp Nhãn”).

Kinh dạy như vậy. “Tịnh vô lượng thân khẩu ý” là Thất Địa Bồ Tát dùng tâm tâm (“tâm tâm” trong ba thứ Bồ Đề tâm), có thể nói tâm tâm ấy là cái tâm thanh tịnh rất sâu, thành tựu thân nghiệp, ngữ nghiệp, ý nghiệp. Thân thanh tịnh, ngữ thanh tịnh, ý thanh tịnh, đó gọi là “tịnh vô lượng thân khẩu ý”. Đạt đến cảnh giới này, có thể nói là tất cả hết thảy các ác nghiệp, bất thiện nghiệp đạo thầy đều đã tách lìa, đều không còn nữa. Phàm là hết thảy những nghiệp bất thiện như đức Phật đã nói trong kinh điển, hàng Thất Địa Bồ Tát chắc chắn chẳng có. Phàm là hết thảy những thiện nghiệp như trong kinh điển đã dạy, hàng Thất Địa Bồ Tát nhất định trọn đủ. Do vậy nói là “thanh tịnh vô lượng thân khẩu ý”. Nói cách khác, Bồ Tát tu hành đến trình độ và cảnh giới này, sẽ thuần thiện, không làm lỗi; đừng nói là tội nghiệp, ngay cả sai lầm cũng chẳng có. Đây là bậc Thất Địa Bồ Tát. “Đắc Vô Sanh Pháp Nhãn quang minh”: Vị ấy đã đắc Vô Sanh Pháp Nhãn quang minh. Lời Sớ dưới đây là do Thanh Lương đại sư chú giải, tức là lời Sớ của kinh Hoa Nghiêm.

(Sớ) Sớ vị: Vô Sanh Pháp Nhãn, Bát Địa sở đắc.

(疏) 疏謂：無生法忍，八地所得。

(Sớ: Hoa Nghiêm Kinh Sớ viết: “Vô Sanh Pháp Nhãn là sở đắc của Bát Địa”).

Thanh Lương đại sư giải thích: Bát Địa mới thật sự đắc Vô Sanh Pháp Nhãn.

(Sớ) Kim tư Thất Địa, u bỉ Pháp Nhãn minh tướng hiện tiền, vị vi chân đắc.

(疏) 今茲七地，於彼法忍明相現前，未為真得。

(Sớ: Nay đối với bậc Thất Địa, tướng sáng của môn Pháp Nhãn ấy đã hiện tiền, chưa phải là thật sự đắc).

“*Minh tướng hiện tiền*”, trên bầu trời hết sức sáng sủa, nhưng mặt trời chưa mọc! Cảnh giới của Thất Địa là như vậy.

(Sớ) Như Quán Kinh Sớ.

(疏) 如觀經疏。

(Sớ: Như Quán Kinh Sớ có nói).

Đây là bản chú sớ Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh do Trí Giả đại sư viết.

(Sớ) Dĩ Vô Sanh tức thuộc Sơ Trụ.

(疏) 以無生即屬初住。

(Sớ: Vô Sanh thuộc vào Sơ Trụ).

Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo có thể nói là đã chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhãn, nhưng sự chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhãn ấy chính là như Thất Địa Bồ Tát thấy tướng quang minh trong phần trên.

(Sớ) Ý lược đồng thử.

(疏) 意略同此。

(Sớ: Đại khái giống với ý nghĩa được nói ở đây).

Trí Giả đại sư thuộc tông Thiên Thai; tông Thiên Thai nói Sơ Trụ Bồ Tát đắc Vô Sanh Pháp Nhãn, còn Thanh Lương đại sư của tông Hoa Nghiêm nói từ Sơ Địa trở lên chỉ đắc tướng sáng của Vô Sanh Pháp Nhãn hiện tiền. [Tông Thiên Thai nói Sơ Trụ Bồ Tát đã đắc Vô Sanh Pháp Nhãn] theo ý nghĩa này, [tức là] vị ấy chưa thật sự đắc. Lời giảng của Trí Giả đại sư và thuyết của Thanh Lương đại sư có ý nghĩa giống nhau, đều là nói họ (tức hàng Bồ Tát chưa đạt đến Bát Địa) đã thấy được tướng sáng của Vô Sanh Pháp Nhãn, trọn chẳng thật sự đạt được, chỉ có thể coi là đạt được; chứ nói nghiêm ngặt thì Đệ Bát Địa mới thật sự chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhãn.

(Sớ) Nãi chí Bát Địa, ly nhất thiết tâm ý thức phân biệt, thí danh chân đắc Vô Sanh Pháp Nhãn dã. Cố tri Vô Sanh, thánh thả nan chi, huống phàm bối hồ!

(疏)乃至八地，離一切心意識分別，始名真得無生法忍也。故知無生，聖且難之，況凡輩乎。

(Sớ: Cho đến Bát Địa, lià hết thấy tâm ý thức phân biệt, mới gọi là thật sự đắc Vô Sanh Pháp Nhãn. Cho nên biết: Đối với bậc thánh, Vô Sanh còn khó, huống là lũ phàm phu ư?)

Do đây có thể biết: Chúng đắc Vô Sanh Pháp Nhãn chẳng dễ dàng! Đối với thánh nhân mà nói thì vẫn còn khá khó khăn, huống gì phàm phu? “Thánh nhân” được nói đến ở đây là hàng Thất Địa Bồ Tát trong Viên Giáo, địa vị này cao trời lắm, rất cao! Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo đã phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân. Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, ba mươi địa vị ấy đã phá ba mươi phẩm trong bốn mươi một phẩm vô minh, vẫn còn sót lại mười một phẩm vô minh. Khi ấy, mới thấy tướng sáng của Vô Sanh Pháp Nhãn, lại phá bảy phẩm vô minh, đạt đến Đệ Bát Địa, mới thật sự chúng đắc Vô Sanh Pháp Nhãn. Do vậy, “*hoa khai kiến Phật ngộ Vô Sanh*” đọc lên nghe rất đơn giản, nhưng thật sự đạt đến cảnh giới ấy chẳng hề đơn giản! Quý vị biết: Quý vị tu các pháp môn khác muốn đạt đến Bát Địa Bồ Tát thì phải đến kiếp nào? Nói thật ra là quá xa xôi, quá mờ mịt! Ở đây, đại sư nói những lời này nhằm khích lệ chúng ta, chúng ta dùng pháp môn Niệm Phật này sẽ dễ dàng đạt được, sẽ nắm chắc, lại còn làm được ngay trong một đời. Tu những pháp môn khác muốn đạt đến cảnh giới này chẳng phải là chuyện dễ dàng, đúng là khó khăn!

Đoạn văn kế tiếp hay vô cùng, giảng rõ cảnh giới. Chúng ta đọc xong, trong tâm thật sự chẳng hoài nghi. “*Bát Địa Bồ Tát ly nhất thiết tâm ý thức phân biệt*”, hoàn toàn chuyển Thức thành Trí, bỏ Thức dùng Căn. Trong bộ Lăng Nghiêm Kinh Chánh Mạch, Giao Quang đại sư đề xướng “*bỏ Thức dùng Căn*”, chữ “*Thức*” chỉ thức thứ sáu, thức thứ bảy, và thức thứ tám, “*bỏ Thức, dùng Căn*” tức là dùng tánh của Căn. Ngài đề xướng biện pháp này, dạy chúng ta hãy dùng Nhãn Căn để thấy, đừng dùng Nhĩ Thức để thấy, chẳng dùng thức thứ sáu là Ý Thức để thấy, mà dùng gì để thấy? Dùng tánh Thấy để thấy. Đối với Nhĩ Thức, đừng dùng Nhĩ Thức để nghe, mà dùng tánh Nghe để nghe. Nếu quý vị có thể dùng theo cách như vậy, quý vị sẽ chẳng khác gì Thất Địa và Bát Địa Bồ Tát. Phương pháp này được bậc Địa Thượng Bồ Tát sử dụng, chẳng đơn giản! Lời Giao

Quang đại sư xét theo lý luận không sai, nhưng trên thực tế, có mấy ai làm được? [Giảng giải] kinh Lăng Nghiêm xưa nay có hai phái:

1) Cô phái là tuân theo tư tưởng của Thiên Thai đại sư, tức là tuân theo Trí Giả đại sư dùng Thức, vẫn nghiêm nhiên dùng thức thứ sáu tức Ý Thức và thức thứ bảy để tu hành, tu Tam Chỉ Tam Quán.

2) Tân phái chủ trương “xả Thức, dùng Căn”, đương nhiên là hay, giống như Lục Tổ, nhưng bậc Thượng Thượng Thừa mới có thể làm được. Từ Đại Thừa trở xuống đều làm chẳng được! Vì thế, những người học kinh Lăng Nghiêm, có rất nhiều người thích bản chú giải kinh Lăng Nghiêm thời cổ vì nó hợp lý.

Chúng ta hãy bàn luận thế nào là “*tâm ý thức*”. Theo định nghĩa trong Duy Thức, Thức là phân biệt, “*liễu biệt*” (hiểu rõ, phân biệt rạch ròi) được gọi là Thức, đặc biệt chỉ thức thứ sáu, tức Ý Thức, nay chúng ta cũng gọi nó là “*tâm*”. Ý thức, tức thức thứ sáu, khéo phân biệt, đầy vọng tưởng, nghĩ đến quá khứ, hiện tại, vị lai, đều là do thức thứ sáu (ý thức). Thức thứ bảy là chấp trước, “*trù lượng danh ý*” (tính toán, so lường danh và ý) chính là thức thứ bảy. Thức thứ bảy rất cố chấp, thức thứ sáu rất thường suy tưởng, khởi vọng tưởng rất nhiều, nhưng không chấp trước. Thức thứ bảy chấp trước thật lợi hại, chấp trước điều gì? Chấp trước Ngã. Thức thứ sáu không chấp trước Ngã, thức thứ bảy chấp trước Ngã. Ngã Chấp và Pháp Chấp đều do thức thứ bảy. Chướng ngại lớn nhất đối với tu hành chúng quả là chấp trước; vì thế, thức thứ bảy gọi là Nhiễm Ô Ý. Thức thứ sáu phân biệt, suy nghĩ, chẳng tạo thành ô nhiễm; nhưng thức thứ bảy tạo thành ô nhiễm. Nói “ô nhiễm” tức là cái tâm tự tư tự lợi. Tự tư tự lợi là thức thứ bảy, trong thức thứ sáu không có điều này. Thức thứ bảy là tự tư tự lợi, cho nên biến thành ô nhiễm, ô nhiễm Chân Như bản tánh. Vì thế, nó được gọi là Nhiễm Ô Ý, là thứ chẳng thanh tịnh. Hễ chuyển được thức thứ bảy, tâm sẽ thanh tịnh, sẽ bình đẳng. Chuyển không được thức thứ bảy, tâm quý vị chẳng bình đẳng, chẳng thanh tịnh. Dù thấy người tu hành phải chuyển thức thứ bảy, máu chốt trọng yếu nhất trong công phu tu hành là làm thế nào để chuyển biến thức thứ bảy.

Thức thứ tám giống như một cái kho, tất cả chủng tử thiện hay ác đều chứa trong đó. Vì thế, thức thứ tám gọi là Tạng Thức, Tạng (藏) là kho lẫm. Chúng ta thấy sắc nghe tiếng đều lưu lại ấn tượng, ấn tượng đương nhiên phải có chỗ để cất giữ. Nếu chẳng có chỗ để cất giữ, sẽ chẳng có ấn tượng. Trong Duy Thức, ấn tượng được gọi là “*chủng tử*” (bīja, hạt giống). Chủng tử ấy được cất giữ trong A Lại Da Thức, tức thức thứ tám. Ngày hôm qua tôi gặp anh, hôm nay gặp mặt, tôi vẫn nhận biết anh.

Vì sao nhận biết? Vừa gặp mặt thì A Lại Da Thức giống như máy computer, đem dữ kiện [trong database] ra đối chiếu, đúng rồi, cái người tôi gặp hôm qua giống hệt anh, như vậy là cùng một người. Tốc độ [đối chiếu ấn tượng] rất nhanh, cho nên vừa thấy liền nhận biết. Vì sao? Giữ lại ấn tượng của ngày hôm qua, tập tin (file) ngày hôm qua đã nhập vào máy, hôm nay vừa gặp mặt lập tức hiện hành, ngay lập tức đối chiếu, không sai! Toàn bộ tập tin về anh đều có. Do vậy, A Lại Da Thức là một cái kho lớn, tốc độ [xuất nhập dữ liệu] hết sức nhanh, ấn tượng thiện hay ác đều giữ trong đó, ấn tượng đời đời kiếp kiếp cũng đều giữ trong đó.

“*Ly nhất thiết tâm ý thức phân biệt*” (lià hết thấy tâm ý thức phân biệt) là nói lià khỏi thức thứ sáu, lià khỏi thức thứ sáu là gì? Là Diệu Quán Sát. Diệu Quán Sát Trí vốn có, thức thứ sáu tức Ý Thức vốn không, do mê nên mới có. Ngộ rồi sẽ chẳng còn nữa. Hễ ngộ, thức thứ sáu tức Ý Thức chuyển biến thành Diệu Quán Sát Trí (Pratyaveksanā-jñāna). Nói thật ra, chuyện này chỉ là thay đổi danh tự, chẳng có thay đổi gì hết! Hễ mê thì gọi là thức thứ sáu hay Ý Thức, lúc ngộ bèn gọi là Diệu Quán Sát Trí. Cùng một sự việc, chẳng phải là hai! Thức thứ bảy cũng giống như thế, hễ mê bèn gọi là Mạt Na Thức, hay thức thứ bảy; ngộ rồi thì gọi là Bình Đẳng Tánh Trí (Samatā-jñāna). A Lại Da Thức cũng giống như thế, mê thì gọi là A Lại Da, ngộ rồi bèn gọi là Chân Như bổn tánh hay Đại Viên Kính Trí (Ādarsa-jñāna), mê hay ngộ mà thôi! Nơi Phật và Bồ Tát, không gọi những thứ đó là tám thức mà gọi là Tứ Trí Bồ Đề. Bồ Đề là giác, Tứ Trí đều giác. Nơi phàm phu chẳng gọi là Tứ Trí Bồ Đề mà gọi là Bát Thức. Bát Thức là danh xưng khi mê hoặc, điên đảo, Tứ Trí là danh xưng sau khi đại triệt đại ngộ, chuyện là như vậy đó.

Lià hết thấy tâm ý thức phân biệt, khi ấy, thức thứ sáu, thức bảy, thức tám tuy có thô hay tế khác nhau, mỗi thức đều có các thức phân biệt, đạt đến Bát Địa Bồ Tát thì mới hết sạch. Vì thế, khi ấy, Đại Viên Kính Trí của Bát Địa Bồ Tát hiện tiền, chuyển [thức thành trí] nơi quả địa. Trước khi đạt đến Thất Địa, người ấy có Diệu Quán Sát Trí và Bình Đẳng Tánh Trí, nhưng Đại Viên Kính Trí vẫn chưa có, tuy đã chuyển, nhưng công phu chưa đến mức. Ất phải đến khi công phu đã đạt mức, chứng quả, thức thứ tám mới thật sự chuyển thành Đại Viên Kính Trí, thật sự ngộ Vô Sanh Pháp Nhãn. Trong chú giải của kinh Di Đà, toàn là giảng về Duy Thức học và đạo lý Duy Thức. Hơn nữa, tinh hoa của Pháp Tướng Duy Thức Tông là dạy quý vị hãy chuyển Thức thành Trí.

Cách tu của Pháp Tướng Duy Thức Tông có “ngũ chủng Duy Thức Quán”² rất rắc rối; nay pháp môn Tịnh Độ cũng tu điều này, cũng là chuyên Thức thành Trí, nhưng phương pháp đơn giản và mẫu nhiệm hơn! Quý vị thấy một câu Di Đà tuyệt diệu hơn rất nhiều! Cũng có thể tu đạt đến cảnh giới ấy, không chỉ cũng có thể [đạt cùng một cảnh giới], mà so với Duy Thức, [trì danh trong Tịnh Tông] còn nhanh chóng hơn tu năm thứ Duy Thức Quán. Người ta tu năm thứ Duy Thức Quán, nói thật ra, chưa chắc đã tu thành trong một đời. Năm [phương pháp Quán theo] thứ tự ấy thật sự chẳng dễ dàng! Nếu quý vị thật sự tu hành pháp môn Niệm Phật này đúng lý, đúng pháp, chắc chắn sẽ thành công trong một đời này, thật sự có thể chứng đắc. Do vậy, pháp môn này thật sự chẳng thể nghĩ bàn, được hết thầy chú Phật tán thán, rất có lý vậy! Bát Địa Bồ Tát mới tính là thật sự chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhân, chẳng những ngay cả phiền não chẳng còn, mà tập khí cũng đều dẹp trừ. Cảnh giới này “*thánh tha nan chi*” (đôi với bậc thánh còn khó), Sơ Địa là thánh nhân (Tam Hiền, Thập Thánh), thánh nhân còn khó thông đạt, “*huống phạm bối hồ*” (huống gì lữ phạm phu), hàng phạm phu chẳng dễ gì đạt đến cảnh giới này!

(Sớ) Di viễn giả, yếm sanh vi hoạn, cực dục diệt sanh dĩ quy u vô, nhi diệt phi chân diệt, chỉ ích cù lao, chung thành luân chuyển, như ngư ngu hoại xa, cổ hữu minh dụ.

(疏)彌遠者，厭生為患，亟欲滅生以歸於無，而滅非真滅，祇益劬勞，終成輪轉，如牛壞車，古有明喻。

(Sớ: “Càng xa”: Chán ngán sanh mạng là nỗi lo sâu, cực lực muốn diệt sanh mạng để trở về Không, nhưng diệt chẳng phải là thật sự diệt, chỉ càng thêm nhọc nhằn, rốt cuộc trở thành luân chuyển, như bò phá xe, cổ nhân đã có tỷ dụ rành rành).

Chẳng biết tu thì càng cầu càng xa, mong được kết quả, đâm ra càng thêm rối beng, đấy là vì tu hành chẳng đúng pháp! Có một hạng người

² Theo Nhiếp Đại Thừa Luận và Thành Duy Thức Luận, Ngũ Chủng Duy Thức Quán là:

1. Khiển hư tồn thật quán (phép quán nhằm bỏ hư vọng, giữ lấy chân thật).
2. Xả lạm lưu thuần quán (phép quán nhằm bỏ những gì tràn lan, giữ lấy pháp thuần khiết).
3. Nhiếp mật quy bản quán (phép quán nhằm gom ngọn về gốc).
4. Ẩn liệt hiển thắng quán (phép quán nhằm giấu điều kém, phô bày điều thù thắng).
5. Khiển tướng chứng tánh quán (phép quán nhằm bỏ tướng, chứng tánh).

cảm thấy cái thân này là mối lo sầu lớn nhất, liền nghĩ không cần tới nó nữa! Chư thiên trên Tứ Không Thiên nghĩ như vậy, có rất nhiều vị A La Hán đã thành tựu cũng nghĩ như vậy, nên gọi là “*hôi thân diệt trí*” (thân như tro bụi, trí tịch diệt), chẳng cần đến thân nữa, “*dĩ quy vô*” (đề trở về với Không), làm như vậy có phải thật sự là trở về với Không hay chẳng? Không hề!

“*Nhi diệt phi chân diệt*” (nhưng diệt chẳng phải là thật sự diệt): Người ấy chẳng thật sự diệt; trong Phật pháp nói sự diệt của người ấy là Đoạn Diệt. Phật pháp nói đến “diệt” thì phải là Tịch Diệt, Tịch Diệt chẳng phải là Đoạn Diệt. Cảnh giới Tịch Diệt là Sự Sự vô ngại, còn Đoạn Diệt là chuyện gì cũng có chướng ngại; bởi lẽ, người ấy cảm thấy cái thân này có chướng ngại cho nên mới diệt trừ nó. Nếu thân không có chướng ngại, quý vị cần gì phải diệt nó? Đủ thấy đúng là công phu chưa đến mức! Người ấy thấy điều gì cũng đều có chướng ngại, [luôn cảm thấy] cần phải đoạn trừ chướng ngại, chẳng biết trong Phật pháp Đại Thừa chân chánh thì thứ gì cũng đều chẳng có chướng ngại. Đối với ý nghĩa này, quý vị đã nghe suốt mấy hôm trong khóa giảng, nói chung cũng phải hiểu được mấy phần. Quý vị thấy Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lần, hiển thị thứ gì cũng đều chẳng chướng ngại, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, thành tựu trí huệ viên mãn của chính mình. Thiện Tài đồng tử chẳng cần diệt trừ thân thể, chẳng làm chuyện ngốc nghếch ấy, [làm chuyện ấy] vô ích!

Diệt là mục tiêu tu học tối cao trong Phật pháp, Diệt là diệt phiền não, diệt vô minh, diệt sanh tử, diệt những thứ đó, chứ không phải là diệt thân! Quý vị quán sát cận kề cái thân này: Trong thân chẳng có phiền não, cũng chẳng có sanh tử, cũng chẳng có vô minh. Nếu quý vị không tin, hãy tìm trong thân thể, hiện thời khoa học phát triển, quý vị phân tích, mỗi một tế bào trong thân thể của chúng ta có thể tách thành nguyên tử, điện tử; quý vị hãy quan sát, trong nguyên tử, điện tử nào có phiền não, có vô minh? Quý vị có thể tìm thấy hay chẳng? Tìm chẳng ra! Trong lạp tử cơ bản nhỏ nhất đã không có vô minh, mà cũng chẳng có sanh tử, chẳng có phiền não! Cái thân này bất quá do vật chất cơ bản tích tụ mà thành, quá thật chẳng có! Đã chẳng có thì không bị chướng ngại!

Ví như thuở Đạt Ma Tổ Sư của Thiên Tông đến Trung Quốc, tìm chẳng được đồ đệ nào, không ai học theo Ngài, bèn trụ tại chùa Thiếu Lâm chín năm, ngồi nhìn vách chín năm. Sau này, gặp được Huệ Khả, Huệ Khả hướng về Ngài thỉnh giáo. Thỉnh giáo điều gì? Tâm Huệ Khả chẳng an, cho nên đến tìm Đạt Ma Tổ Sư, cầu Đạt Ma Tổ Sư an tâm cho. Chuyện cầu pháp ấy chẳng dễ dàng, chặt tay cầu pháp. Là vì Ngài gặp mặt Đạt Ma

Tổ Sư, Đạt Ma Tổ Sư chẳng đoái hoài. Đến cuối cùng, không còn cách nào, bèn chặt một cánh tay, cầm cánh tay cúng dường Đạt Ma Tổ Sư. Đạt Ma Tổ Sư thấy Ngài làm như vậy, đứng là kiên thành, hỏi: “Ông cần gì phải làm thế? Rốt cuộc ông đến kiếm tôi để làm gì?” Ngài mới thưa: “Tâm con bất an, cầu đại sư an tâm cho con”. Đạt Ma Tổ Sư xòe tay: “Ông đem cái tâm lại đây, ta sẽ an nó cho ông”. Ngài nghĩ cả nửa ngày rồi nói: “Con tìm tâm chẳng thể được! Con tìm tâm không ra”. Tâm rốt cuộc ở nơi đâu? Trong não chẳng có tâm, quả tim cũng chẳng phải là tâm, tìm thế nào cũng chẳng được, giống như tôn giả A Nan, tìm bên trong chẳng được, tìm bên ngoài chẳng được, ở chính giữa tìm chẳng được, đến nơi đâu cũng chẳng tìm được, Ngài mới thưa với Tổ Sư: “*Ngã mịch tâm liễu bất khả đắc*” (Con tìm tâm trọn chẳng thể được!) Tìm tâm không ra! Đạt Ma Tổ Sư nói: “*Ngã dữ như an tâm cánh!*” [tức là] ta đã làm cho cái tâm ông được an rồi đó! Ngài bèn hoảng nhiên đại ngộ. “Ông nói tâm ông không an, nhưng về căn bản tìm chẳng được cái tâm, ông còn muốn an nó để làm gì?” Ngài bèn lập tức đạt được thanh tịnh.

Quý vị nói quý vị có phiền não, phiền não nhiều khôn xiết, nếu tôi duỗi tay: “Quý vị đưa phiền não cho tôi, sẽ chẳng còn phiền não nữa”. Quý vị tìm xem, phiền não ở chỗ nào? Tìm không ra! Về căn bản là không có! Đây là tự sanh phiền não, về căn bản, quý vị chẳng có phiền não. Quý vị không tin cứ đi tìm, phiền não ở trong đâu, hay ở trên tay, ở dưới chân? Tìm không được! Nếu quý vị hoảng nhiên đại ngộ, phiền não vốn là vọng tưởng của ta, chẳng có vọng tưởng sẽ chẳng có phiền não, phiền não lập tức bị tiêu trừ. Sự thật xác thực là như vậy!

Bởi thế, Phật pháp cầu Tịch Diệt, chẳng cầu Đoạn Diệt. Nhất định phải hiểu rõ ràng điều này! Đoạn Diệt chẳng phải là Chân Diệt, Tịch Diệt là Chân Diệt. Kinh Lăng Nghiêm nói rất hay: “*Sanh diệt ký diệt, Tịch Diệt hiện tiền*” (Sự sanh diệt đã diệt mất thì Tịch Diệt hiện tiền), đó là cảnh giới của Như Lai, là Tịch Diệt Nhẫn, còn cao hơn Vô Sanh Pháp Nhẫn một bậc; đây là cảnh giới của Thập Địa Bồ Tát trở lên. Thất Địa, Bát Địa, Cửu Địa là Vô Sanh Pháp Nhẫn. Thập Địa, Đẳng Giác, Như Lai quả địa là Tịch Diệt Nhẫn. Do Đoạn Diệt chẳng phải là Chân Diệt, nên nếu tu Đoạn Diệt thì Phật pháp thường bảo đó là khổ hạnh vô ích, rất khổ, chẳng có ích gì! Đây chẳng phải là thật sự tu hành chánh pháp đúng như pháp, mà là khổ hạnh vô ích. “*Chỉ ích cù lao*” (chỉ càng thêm nhọc nhằn), tăng thêm phiền toái, tăng thêm mệt nhọc, tu kiểu này chẳng có ích gì cả!

“*Chung thành luân chuyển, như ngư hoại xa, cổ hữu minh dụ*” (Rốt cuộc biến thành luân chuyển, như bò phá xe, cổ nhân đã có tỷ dụ rành

rành). Đây là nêu tỷ dụ để nói. “*Chung thành luân chuyển*” (rốt cuộc biến thành luân chuyển): Chẳng hạn như ta thường nói tu Vô Tướng Định là dùng cách tu Đoạn Diệt để đoạn trừ hết thấy vọng tưởng, tu thành quả báo là Vô Tướng Thiên trong Đệ Tứ Thiên, thọ mạng năm trăm kiếp, thời gian ấy khá dài, nhưng năm trăm kiếp cũng phải qua đi, công phu định lực mất đi; sau khi mất đi, người ấy vẫn phải đọa lạc. Vì thế, rốt cục biến thành luân chuyển, người ấy vẫn phải luân hồi! Khổ hạnh tu Vô Tướng Định thành tựu, chẳng dễ dàng! Sự khổ hạnh ấy chẳng thể đạt đến kết quả rốt ráo, vô giá trị! “*Như ngưu hoại xa*” (như bò phá xe), đây là tỷ dụ, bò kéo xe rất mệt mỏi, rất khô sở, lòng nó nghĩ như thế nào? Ta phá tan cái xe này, sẽ chẳng phải kéo nữa! Đó là cách suy nghĩ rất ngốc nghếch. Quý vị đều biết, bò phá tan cái xe thì chủ nhân lại đóng cái xe mới, lại chề cái xe to hơn, bò vẫn phải kéo! [Phá xe] chẳng phải là biện pháp [thoát khổ].

“*Cổ hữu minh dụ*” (cổ nhân có tỷ dụ rành rành): Tỷ dụ rất rõ rệt, tỷ dụ ấy chính là con người chán ngán cái thân khổ sở, nghĩ muốn nhanh chóng diệt trừ cái thân này, chẳng biết sau khi diệt thân, lại phải thọ thân. Nếu quý vị thật sự hiểu rõ đạo lý này, quý vị sẽ biết: Trong thế gian này, có rất nhiều kẻ cảm thấy cuộc đời đau khổ quá, sống không được bèn tự sát. Tự sát là ta chẳng cần đến cái thân này nữa, cứ ngỡ chết rồi thì chuyện gì cũng xong xuôi! Đâu có chuyện tiện nghi như vậy? Chết rồi chưa đầy bốn mươi chín ngày lại đầu thai, lại tái sanh, khổ sở đáng phải chịu như thế nào thì vẫn khổ sở như thế ấy, không có cách nào thoát ly. Nếu quý vị hiểu rõ chân tướng sự lý này, nhất định đừng đi tìm cái chết! Có chết cũng không xong, phiền phức lớn lắm!

Nay chúng ta gặp gỡ pháp môn này, nói thật ra là đừng chết thì quý vị sẽ thành công, hễ chết bèn bị luân hồi. Vì sao nói là chẳng chết? Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là ra đi trong lúc còn sống, không phải là chết rồi mới đi. Trong trạng thái hết sức bình thường, hết sức tỉnh táo, quý vị thấy A Di Đà Phật đến tiếp dẫn, theo Ngài ra đi. Đấy đâu phải là chết, ra đi trong khi còn sống đấy chứ! Quý vị phải hiểu rõ đạo lý này. Nói chết rồi mới có thể vãng sanh thì trong Mật Tông có cách cứu độ Trung Âm, họ nói rất hay, có thể độ thân Trung Âm của người đã chết về Tây Phương Cực Lạc thế giới, trong Mật Tông có cách nói như thế. Thưa quý vị, kiểu nói này có rất nhiều vấn đề! Có thể độ thân Trung Âm của người đã chết về Tây Phương Cực Lạc thế giới thì khi còn sống chúng ta chẳng cần tu hành, tu hành để làm gì? Chết rồi, thỉnh mấy vị lạt-ma đến siêu độ vãng sanh Tây Phương! Quý vị tra duyệt khắp các kinh điển Tịnh Độ xem có đạo lý ấy hay chẳng? Chẳng thế nào!

Quý vị xem Lương Hoàng Sâm, phi tử của Lương Vũ Đế chết rồi, thỉnh ngài Bảo Chí Công đến siêu độ, ngài Bảo Chí Công là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát. Quán Thế Âm Bồ Tát là hậu bổ Phật của A Di Đà Phật bên Tây Phương Cực Lạc thế giới, Ngài cũng chẳng thể độ phi tử của Lương Vũ Đế về Tây Phương Cực Lạc thế giới, chỉ có thể độ cho bà ta sanh lên trời Đao Lợi. Nhìn từ trường hợp này, chúng ta thật sự hiểu rõ: Cái gọi là siêu độ Trung Âm, đích xác là có thể siêu độ, nhưng chỉ có thể siêu độ lên Đao Lợi Thiên! Nếu nói là siêu độ cao hơn cõi trời Đao Lợi, siêu độ về Tây Phương Cực Lạc thế giới, chắc chắn chẳng có lẽ ấy! Nếu quý vị nghe lời họ nói, sẽ bị mắc lừa thật to! Xét về lý, nói chẳng suông, chẳng tìm thấy căn cứ [của việc siêu độ Trung Âm Thân về Tịnh Độ] trong kinh điển, không có cách nói ấy!

Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, trong mấy hôm nay chúng ta cũng bàn không ít những nguyên tắc trọng yếu. Thứ nhất là quý vị phải phát Bồ Đề tâm, Trung Âm Thân có thể phát Bồ Đề tâm hay không? Điều thứ hai, quý vị phải đầy đủ ba món tư lương, Trung Âm Thân có thể đầy đủ hay chẳng? Nhiều vấn đề quá! Quá ư là nhiều! Trung Âm so với khi chúng ta mang thân người còn mê hoặc nhiều hơn; khi quý vị còn sống, đầu óc tỉnh táo mà còn chưa thể phát Bồ Đề tâm, chưa thể đầy đủ ba món tư lương, thì khi mê hoặc, điên đảo quý vị có thể làm được hay chẳng? Trung Âm Thân còn tệ hơn mộng cảnh, còn mê hoặc hơn nữa; nếu chẳng mê hoặc thì có sao người ấy lại đi vào tam ác đạo? Vì thế, vào trong ba ác đạo là hồ đồ đi vào. Người mê hoặc điên đảo làm sao có thể đến Tây Phương Cực Lạc thế giới cho được? Làm sao A Di Đà Phật tiếp dẫn người ấy được? Chắc chắn là chẳng thể nào! Nếu là có thể, chắc chắn là trong thuở ấy, ngài Bảo Chí Công đã độ phi tử của Lương Vũ Đế về Tây Phương Cực Lạc thế giới! Nếu là như vậy thì chúng ta mới tin tưởng vẫn có thể siêu độ Trung Âm Thân vãng sanh Tây Phương, chúng ta sẽ tin tưởng.

Từ xưa đến nay, phàm là siêu độ người sau khi đã chết, kinh Địa Tạng cũng nói như thế, chỉ có thể siêu độ lên Đao Lợi Thiên là cao nhất, vì sao? Đó là phước báo. Kinh Địa Tạng dạy: Người nhà quyến thuộc tu phước cho vong nhân thì người đã khuất chỉ có thể hưởng một phần bảy [phước ấy], người tu phước tự được sáu phần bảy. Trong kinh [Địa Tạng], đã có kinh văn nói rõ ràng, rành rành như thế. Vì thế, quý vị phải biết, phải hiểu, phải thật sự giác ngộ! Ngàn vạn phần đừng nhẹ dạ tin theo những lời đồn đại của kẻ khác, chớ nên dễ dãi tin tưởng. Nghe người ta nói kiêu đó, trong lòng chúng ta quyết định chẳng bị lay động!

Nay pháp môn này của chúng ta có căn cứ lý luận chắc chắn, vững vàng, thế mà hiện thời còn có người nói như thế nào? Hủy báng Tịnh Độ hết sức dữ dội, nói kinh Di Đà là giả, nói A Di Đà Phật là thần Thái Dương, quý vị nói xem còn có cách gì hay không? Rất nhiều năm trước đây, khi tôi dạy học tại Phật Quang Sơn. Ở Phật Quang Sơn có học sinh trong buổi học đã nêu ra câu hỏi, anh ta nói: Có một vị pháp sư cũng đang dạy bọn họ tại đó nói Tây Phương Tịnh Độ là giả, là một cõi nước lý tưởng của Thích Ca Mâu Ni Phật, chẳng phải là thật! Còn nói: “A Di Đà Phật là hóa thân của thần mặt trời”. Anh ta hỏi tôi, tôi trả lời: “Rất đáng tiếc, trình độ của tôi quá nông cạn, tuy có coi sơ qua Đại Tạng Kinh một lần, chưa coi kỹ, không biết điều đó xuất phát từ bộ kinh hay bộ luận nào! Các anh nên biết: Tốt nhất là hãy hỏi vị thầy nói câu đó!” Bịa đặt, đồn thổi, hết cách nói!

Sau đấy, tôi quay về Đài Bắc, đặc biệt ấn hành lưu thông bộ Thông Tán Sớ của Khuy Cơ đại sư nhằm tạo bằng chứng đanh thép cho kinh Di Đà trong pháp môn Tịnh Độ, chứng minh pháp môn này là thật. Ngài Khuy Cơ là học trò của Huyền Trang đại sư, Huyền Trang sang Ấn Độ ở lại đó suốt mười bảy năm. Dịch thân ngài Huyền Trang cũng dịch kinh Di Đà sang tiếng Hán, bản dịch của Ngài hiện còn lưu trong Đại Tạng Kinh, không được lưu hành riêng. Ngài Khuy Cơ là truyền nhân của Huyền Trang đại sư, là đại đệ tử của ngài Huyền Trang, là người truyền pháp, lại còn là tổ sư khai sơn của Pháp Tướng Duy Thức Tông, Ngài chú giải kinh Di Đà, dùng bản nào? Dùng bản của Cưu Ma La Thập đại sư, dụng ý quá sâu! Con người chúng ta hiện thời luôn dùng tình cảm; từ chỗ này, quý vị có thể thấy đại sư đã ban cho chúng ta một lời giáo huấn rất lớn, “*y pháp, bất y nhân*”.

Nếu nói như chúng ta hiện thời thì Khuy Cơ đại sư là học trò của ngài Huyền Trang, bản dịch của ngài Huyền Trang đã được dịch xong, người khác chẳng lưu thông thì lẽ ra kẻ làm học trò phải dốc hết tánh mạng lưu thông. Viết chú giải kinh Di Đà, lẽ ra phải dùng bản dịch của thầy, có sao lại chọn bản dịch của Cưu Ma La Thập đại sư? Đấy chẳng phải là không thông hiểu phép xử sự đúng lẽ tình người hay sao? Nếu là như hiện thời thì chắc chắn sẽ là như thế. Hiện thời thì thầy ta là bậc nhất, người khác đều không bằng! Thế nhưng Khuy Cơ đại sư vẫn y như cũ dùng bản dịch của Cưu Ma La Thập đại sư, nói cách khác, hai thầy trò Ngài đều công nhận bản dịch của Cưu Ma La Thập đại sư (hiện thời chúng ta tụng bản dịch này) chắc chắn chẳng sai lệch ý nghĩa so với Phạn bản. Nếu có sai lầm, Huyền Trang đại sư nhất định nói ra vì Ngài đã đọc bản tiếng

Phạn. Đây là nhằm chứng minh cho chúng ta, tạo chúng có danh thếp: Bản dịch kinh này [của ngài La Thập] dịch khá lắm. Khuy Cơ đại sư soạn chú giải, chọn lấy bản của La Thập đại sư để chú giải, trọn chẳng phải là nghịch thầy, phản đạo! Huyền Trang đại sư thấy ngài Khuy Cơ làm như vậy, chẳng dùng bản dịch của thầy để chú phải, mà lại dùng bản dịch của người xưa, Ngài cũng chẳng nghĩ học trò phản thầy. Đủ thấy cô nhân đối với Phật pháp quả thật đã theo đúng Tứ Y Pháp, “*y pháp, bất y nhân; y nghĩa, bất y ngữ*”.

Bản dịch của La Thập đại sư đã dịch hay như thế, đã được lưu thông, người ta có thể bỏ mình vì người, đương nhiên bản dịch của chính mình cũng chẳng kém bản dịch của Cưu Ma La Thập đại sư, nhưng bản dịch của ngài La Thập đã được lưu thông phổ biến, có thể thâm bản dịch của chính mình lại, hoàng dương bản của cổ đức, tâm lượng ấy rất phi phạm, thật sự đã thể hiện “*đại công vô tư*”, vì Phật pháp, vì chúng sanh, chẳng vì tiếng tăm, lợi dưỡng của chính mình. Vì thế, cuốn Thông Tán Sớ là một chứng cứ danh thếp cho kinh luận Tịnh Độ và pháp môn tu hành Tịnh Độ. Kinh Di Đà chắc chắn là chân thật, chẳng giả, vì đã được Huyền Trang và Khuy Cơ chứng minh. Do điều này, bất luận là ai, nếu nói kinh này là giả thì gã đó là ma, đều là bịa đặt, rêu rao, đều muốn diệt pháp, chúng ta nhất quyết chớ bị những gã đó lường gạt. Chúng ta quả thật có chứng cứ danh thếp, chứng minh kinh này là chân thật, chẳng hư vọng.

(Sớ) Kim chuyên niệm Phật, phát nguyện vãng sanh, sanh bỉ quốc dĩ, hoa khai kiến Phật, thức tự bốn tâm, bốn tự bất sanh, sanh diệt hà ngại? Sở vị: Xí nhiên cầu sanh, nhi bất quai vô Vô Sanh chi lý, chung nhật sanh nhi vị thường sanh giả, nãi sở dĩ vị chân Vô Sanh dã.

(疏)今專念佛，發願往生，生彼國已，華開見佛，識自本心，本自不生，生亦何礙。所謂熾然求生，而不乖於無生之理，終日生而未嘗生者，乃所以為真無生也。

(Sớ: Nay chuyên niệm Phật, phát nguyện vãng sanh, sanh về cõi ấy xong, hoa nở thấy Phật, nhận biết bốn tâm vốn tự bất sanh, có sanh cũng chẳng ngăn ngại gì? Đó gọi là náo nức cầu sanh mà chẳng trái nghịch lý Vô Sanh, suốt ngày sanh mà chưa hề sanh. Đấy mới chính là Vô Sanh thật sự vậy).

Đây là nói với chúng ta là những người tu học pháp môn này; nay chúng ta chuyên niệm Phật hiệu, hoàn toàn nhờ vào bốn chữ ấy để vượt

thoát lục đạo luân hồi trong tam giới, hoàn toàn dựa vào bốn chữ ấy để chứng Vô Sanh Pháp Nhãn, thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đáng quý là “*phát nguyện vãng sanh*”, đúng như Ngẫu Ích đại sư đã nói “*phát nguyện vãng sanh là phát Vô Thượng Bồ Đề Tâm*”. Sau khi sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, “*hoa khai kiến Phật*”, đây là Thượng Phẩm Thượng Sanh. Hễ sanh về Tây Phương, hoa sen liền nở, thấy Phật. Từ Trung Phẩm trở xuống, thời gian [hoa sen nở] dài hay ngắn khác nhau. Nếu quý vị hỏi: “Sanh về đó, phải mất bao lâu hoa sen mới nở, thấy Phật?” Mỗi cá nhân có tình hình khác nhau, mấu chốt là do chính mình siêng năng hay lười nhác. Nếu quý vị tinh tấn chẳng lười, hoa nở thấy Phật rất nhanh chóng; nếu quý vị giải đãi, biếng nhác, thời gian sẽ kéo dài. Vì thế, thời gian sớm hay trễ phải hỏi chính mình, chẳng cần hỏi ai khác!

Đến khi hoa nở thấy Phật bèn ngộ Vô Sanh Pháp Nhãn. Nói thông thường thì khi nào hoa nở thấy Phật? Sơ Địa là hoa nở thấy Phật, khi ấy, tuy đã ngộ Vô Sanh, nhưng chỉ là tướng sáng của Vô Sanh Pháp Nhãn mà thôi, vẫn phải tu đến Đệ Bát Địa mới thật sự chứng Vô Sanh Pháp Nhãn. Thế nhưng Sơ Địa Bồ Tát đã thấu lộ tin tức Vô Sanh Pháp Nhãn rồi, đã biết tin tức rồi! Vì thế, nói “*thức tự bốn tâm, bốn tự bất sanh*” (tự biết bốn tâm vốn tự bất sanh). Đã vốn tự bất sanh, lẽ nào có diệt? Hết thấy các pháp đều bất sanh, bất diệt, đây là chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhãn. Đến khi ấy, “*sanh diệt hà ngại*” (có sanh cũng chẳng trở ngại gì), Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, đây là cảnh giới Nhất Chân pháp giới của Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Cõi Thật Báo Trang Nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chính là Nhất Chân pháp giới trong thế giới Hoa Tạng, tức là [nhờ vào] một câu A Di Đà Phật, hễ vãng sanh liền có thể đạt được [Nhất Chân pháp giới], công đức chẳng thể nghĩ bàn!

“*Sở vị xí nhiên cầu sanh, nhi bất quai u Vô Sanh chi lý*” (Đó gọi là náo nức cầu sanh mà chẳng trái nghịch lý Vô Sanh). Hăm hở cầu vãng sanh là tình hình của chúng ta trong hiện thời. Trong hiện tại, chúng ta có tâm trạng hết sức nóng bỏng muốn được sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, đó là “*xí nhiên cầu sanh*”. [Mong cầu ấy] có trái nghịch lý Vô Sanh Pháp Nhãn hay không? Chẳng trái nghịch tí ti nào! Chúng ta vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới để chứng Vô Sanh Pháp Nhãn, đại sư vì sao phải nói với chúng ta như vậy? Vì sợ các tông, các giáo khác dụ dỗ, mê hoặc quý vị: “Ở bên đó, quý vị chẳng thể ngộ Vô Sanh, sanh về đó là sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư”. Sợ quý vị nghe những lời lẽ ấy sẽ dao động, chẳng niệm Phật nữa, mà đi học các pháp môn khác, thật sự lỗ làng

đại sự của chính mình. Sau khi hiểu rõ đạo lý này, đối với học thuyết của các tông phái khác, quý vị nghe xong chắc chắn chẳng dao động, quyết định niệm một câu Di Đà đến tột cùng, chắc chắn quý vị sẽ thành công. Đó là “*câu sanh bất quai ư Vô Sanh chi lý*” (câu vãng sanh mà chẳng trái nghịch lý Vô Sanh). Trong Chứng Đạo Ca, ngài Vĩnh Gia đã viết: “*Thùy vô niệm, thùy vô sanh, nhược thật vô sanh vô bất sanh. Hoán thủ cơ quan mịch nhân vấn, câu Phật thi công tảo vãn thành*” (Ai vô niệm? Ai vô sanh? Thật sự vô sanh, vô bất sanh, thay đổi cơ quan hỏi người gõ, câu Phật thi công sớm muộn thành). Đó là nói đến đạo lý này, là phương pháp trong Thiên Tông. Chúng ta dùng phương pháp niệm một câu A Di Đà Phật chắc chắn sẽ chứng đắc. Dùng phương pháp của nhà Thiên để đạt đến quả thật khá khó khăn! Dùng phương pháp Niệm Phật ai nấy đều có thể thành tựu.

“*Chung nhật sanh nhi vị thường sanh giả, nãi sở dĩ vi chân Vô Sanh dã*” (suốt ngày sanh mà chưa hề sanh chính là chân Vô Sanh vậy). “*Chung nhật sanh*” là chúng ta niệm niệm đều mong cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, trọn chẳng biết cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ chính là thật sự chứng đắc Vô Sanh. Nói như vậy quá viên mãn, quá thấu triệt. Bộ sách Tịnh Độ Sanh Vô Sanh Luận chuyên môn thảo luận vấn đề này, “*sanh*” là chúng ta cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, “*vô sanh*” là chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhãn. Bộ luận này được đưa vào tác phẩm Tịnh Độ Thập Yếu, chuyên môn thảo luận lý luận vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, là một tác phẩm vô cùng hay. Nay đã hết thời gian rồi, tôi giảng đến chỗ này.